

Số: 934/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 16 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- Bộ TN&MT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, NN. 77

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 934/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng, những giải pháp thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ, tạo sự nhất trí, đồng thuận trong nhận thức và hành động của các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân, cộng đồng và doanh nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng.

- Đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp tổ chức thực hiện, tăng tính chủ động của các Sở, ngành và UBND các cấp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Yêu cầu

- Các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp tổ chức thực hiện của Kế hoạch đáp ứng các yêu cầu theo mục tiêu, quan điểm, chủ trương và định hướng của Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra.

- Nâng cao được nhận thức của cộng đồng về phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; rà soát, lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường năng lực, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, tạo cơ chế, trách nhiệm rõ ràng đối với từng cơ quan, đơn vị và địa phương trong công tác quản lý nhà nước, công tác quy hoạch, cơ cấu lại nền kinh tế theo định hướng phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

- Phân đầu đưa tỉnh Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, thu nhập bình quân đầu người đạt cao hơn trung bình của khu vực, sinh kế của người dân trên địa bàn tỉnh được đảm bảo.

- Huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của

ting, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, theo hướng chủ động, thích ứng biến đổi khí hậu, an toàn trước thiên tai; tài nguyên thiên nhiên được sử dụng hợp lý; đa dạng sinh học và truyền thống văn hóa được duy trì và tôn tạo; phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và giữ vững quốc phòng an ninh, trên cơ sở phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước được xây dựng đồng bộ; hệ thống các cơ sở văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế phát triển, có chất lượng cao; thực hiện liên kết vùng, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa nền kinh tế tỉnh Trà Vinh phát triển năng động và hiệu quả, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 13 - 14%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 220-230 triệu đồng/người/năm.

- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 450 - 500 ngàn tỷ đồng.

- Phân đầu tốc độ tăng toàn ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2017 – 2020 đạt 3,5%, giai đoạn 2021 - 2030 đạt 2,5%/năm; Có ít nhất 20% diện tích sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao; độ che phủ rừng đạt trên 8%.

- Tỷ lệ sử dụng điện đạt 99,5%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 38%.

- Sử dụng nước hợp vệ sinh dân cư nông thôn 99,5%.

- 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế được xử lý; 100% tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo quy định.

b) Đến năm 2050

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 14 - 15%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 550-575 triệu đồng/người/năm.

- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 675 - 750 ngàn tỷ đồng.

- Phân đầu tốc độ tăng toàn ngành nông, lâm, thủy sản đạt 2%/năm ; Có trên 80% diện tích sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao; độ che phủ rừng đạt trên 10%, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng được bảo tồn và phát triển.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 50%.

- Tỷ lệ sử dụng điện đạt 99,9%.

- Sử dụng nước hợp vệ sinh dân cư nông thôn 99,9%.

- 100% các cơ sở y tế được xây dựng cơ bản, có đủ trang thiết bị và nguồn lực để triển khai khám, chữa bệnh cho người dân.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Lấy con người làm trung tâm phát triển, phục vụ người dân, giảm khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; phát triển kinh tế vì con người, tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao dân trí, bảo vệ và cải thiện môi trường; tiếp cận chủ động, linh hoạt trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra nhanh, ngày càng cực đoan. Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, giải quyết an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

- Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển mạnh mẽ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Tôn trọng quy luật tự nhiên; tùy theo tình hình, điều kiện thực tế của từng địa phương, nghiên cứu áp dụng các mô hình phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên đồng thời bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, xây dựng các phương án ứng phó hiệu quả với thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai, các tình huống bất lợi khác do biến đổi khí hậu và tác động của việc phát triển thượng nguồn sông Mê Công.

- Phát triển bền vững vì lợi ích chung và là sự nghiệp của toàn dân, khuyến khích, huy động cộng đồng dân cư, các đối tác quốc tế và doanh nghiệp tham gia vào quá trình phát triển.

- Sống chung và thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên; xem tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, được quản lý tổng hợp, là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển. Xem nước lợ, nước mặn là nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế. Chú trọng phát triển kinh tế các huyện, thị xã vùng ven biển của tỉnh.

- Chuyển đổi mô hình phát triển đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người của tỉnh; đảm bảo tính ổn định và sinh kế của người dân, trong đó người dân và doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, Nhà nước đóng vai trò định hướng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, ưu tiên cho thích ứng với biến đổi khí hậu và tận dụng các cơ hội để phát triển kinh tế các-bon thấp, kinh tế xanh, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Chú trọng bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử, đa dạng sinh học, môi trường sinh thái của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác liên kết phát triển giữa các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh. Chủ động hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mê Công trên cơ sở cùng có lợi nhằm cùng nhau sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước và các tài nguyên có liên quan trong lưu vực sông Mê Công.

- Đầu tư phải được điều phối thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình hợp lý, bảo đảm tính liên vùng, liên ngành, trong đó trước mắt tập trung ưu tiên các công trình cấp bách, thúc đẩy phát triển kinh tế, các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân. Chú trọng và chủ yếu áp dụng các giải pháp phi công trình, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp công trình.

- Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Phát huy tiềm lực, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền và trật tự an toàn xã hội.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền và người dân về thách thức đang đặt ra đối với đồng bằng sông Cửu Long nói chung và của tỉnh nói riêng; chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu và các tác động khác từ thượng nguồn, kêu gọi huy động nguồn lực nhằm bảo vệ, phục hồi và trồng mới rừng, nhất là hệ thống rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển, ven sông.

- Rà soát, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương, các quy hoạch phát triển ngành để điều chỉnh, lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu và sự phát triển thượng nguồn sông Mê Công. Xây dựng quy hoạch có tính tích hợp và kết nối cao với các địa phương trong và ngoài vùng đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh, trong đó chú trọng công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cập nhật các dự báo, khả năng thực tế, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị cốt lõi, tạo nền tảng phát triển dịch vụ du lịch dựa trên thế mạnh của tỉnh.

- Hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng (vùng ngọt, vùng ngọt hóa, vùng mặn và vùng cù lao). Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng có trọng tâm, trọng điểm (thủy sản - cây ăn quả - lúa gắn với các tiểu vùng sinh thái), trong đó thủy sản (nước ngọt, nước lợ, nước mặn) là sản phẩm chủ lực; cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý, bảo đảm gắn kết chuỗi sản phẩm hàng hóa, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông

sản của tỉnh; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn.

- Phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên, điều kiện cụ thể của từng địa phương; rà soát, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất, bố trí lại dân cư trong đó kiểm soát và hạn chế việc xây dựng các điểm dân cư tập trung tại các vùng sát bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở cao, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân.

- Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, biến thách thức thành cơ hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Quản lý bền vững và hiệu quả các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước. Các dự án, công trình đầu tư phải đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của từng địa phương, bảo đảm ổn định cuộc sống của nhân dân, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, thân thiện với môi trường, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên; tái sử dụng các chất thải, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, phát triển năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ rừng và biển, thân thiện với môi trường hướng tới nền kinh tế xanh.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế về đặc điểm tự nhiên, sinh thái, văn hóa, con người, xây dựng các cơ chế chính sách, hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo điểm nhấn, thúc đẩy phát triển dịch vụ, du lịch, đặc biệt là các khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Tăng cường xúc tiến đầu tư cho du lịch, trọng tâm là công tác quảng bá hình ảnh về du lịch Trà Vinh hiệu quả, có sức lan tỏa đến các tỉnh, vùng trong cả nước và hướng tới hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư hạ tầng du lịch và xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc thù, có thương hiệu và tính cạnh tranh của tỉnh; phát triển các loại hình du lịch văn hóa, lễ hội, du lịch sông nước, du lịch sinh thái gắn với các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong tỉnh và với các khu vực khác; chú trọng nâng cao tính liên kết về hạ tầng, chuỗi sản phẩm; khắc phục tình trạng chông chéo, phối hợp thiếu chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của tỉnh, tạo nên các liên kết chuỗi nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản của tỉnh.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của tỉnh trên cơ sở tích hợp thống nhất các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 17/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 625/QĐ-BKHĐT ngày 05/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Bộ tiêu chí xác định các dự án liên kết Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, đặc biệt đối với các dự án kiểm soát mặn, kiểm soát lũ, xử lý các đoạn sạt lở xung yếu, các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp, triển khai thực hiện Chương trình truyền thông về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn để nâng cao ý thức của người dân thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí nguồn nước;

- Nâng cao công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai.

- Xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình cộng đồng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Chủ động xây dựng, các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu cho từng giai đoạn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quan trắc môi trường hàng năm theo đúng Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Xây dựng hệ thống quan trắc tự động kết nối với hệ thống quan trắc tự động quốc gia.

- Tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, của các cơ sở sản xuất, nhà máy chế biến, khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề..., không để phát sinh thêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hoạt động khai thác khoáng sản, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo quản lý tốt nguồn thải. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nguồn thải từ Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh gồm: Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh; Đánh giá khí hậu tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của tỉnh Trà Vinh.

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/8/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động, quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai chương trình dự án phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu gắn liền với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh để phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, hiệu quả cao, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và thích ứng với biến đổi khí hậu sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh phù hợp với quy hoạch của vùng đồng bằng sông Cửu Long, phù hợp với các tiêu vùng sinh thái gắn với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh; Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ sinh học trong nông nghiệp. Ưu tiên đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đáp ứng yêu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phấn đấu đến năm 2025 tập trung nâng cao được chất lượng giống, thích ứng với biến đổi khí hậu, ngang tầm với các tỉnh trong khu vực cho ba nhóm sản phẩm chủ lực: Thủy sản - cây ăn quả - lúa gạo.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách mới của Trung ương để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, sức cạnh tranh cao và bền vững; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn; phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, chuỗi giá trị nông nghiệp, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghệ sau thu hoạch để giảm tỷ lệ tổn thất, nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Phát triển ngành thủy sản trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, có quy mô lớn, hiện đại, sức cạnh tranh cao và bền vững. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, không chuyển sang các mục đích sử dụng khác, trừ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng và các dự án phát triển kinh tế - xã

hội đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định; tập trung đầu tư trồng mới rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven sông, ven biển.

- Đưa nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch thủy lợi, đảm bảo giảm nhẹ thiệt hại khi có thiên tai, chủ động ứng phó với kịch bản biến đổi khí hậu bất lợi nhất; hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững theo hướng đa dạng hóa nguồn lực và phương thức thực hiện; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng.

- Bảo vệ, củng cố nâng cấp hệ thống đê biển, phòng chống xói lở bờ biển; tranh thủ vốn đầu tư của Trung ương xử lý những đoạn xói lở, sạt lở bờ sông, bờ biển nghiêm trọng. Bố trí, sắp xếp lại dân cư ven sông, kênh, rạch kết hợp xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi ngành nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, giúp nông dân thực sự trở thành công nhân nông nghiệp.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện có hiệu quả Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam; Hỗ trợ phát triển dự án điện sinh khối tại Công ty Mía đường Trà Vinh giai đoạn đến năm 2020.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Ban hành kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kv; Quyết định 1937/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch chi tiết phát triển điện trung và hạ áp sau các trạm 110kv.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2025; Đề án phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 về việc phê duyệt đề án phát triển công nghệ chế biến thực phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13309/QĐ-BCT ngày 04/12/2015 của Bộ Công Thương về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2020, có xét đến 2030, bảo đảm công nghệ mới, hiện đại, bảo đảm tuyệt đối không gây ô nhiễm môi trường. Phối hợp, đôn đốc

chủ đầu tư hoàn thành các dự án Nhà máy điện gió đến năm 2020; Xúc tiến kêu gọi đầu tư phát triển các nhà máy điện gió theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

6. Sở Xây dựng

- Trên cơ sở quy hoạch quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long, tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và đảm bảo thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phối, kết hợp cùng các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh việc quản lý quy hoạch sau phê duyệt, quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước đồng bộ thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu thực hiện công tác phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp theo quy hoạch, chương trình, kế hoạch và thực tế tại địa phương đảm bảo thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí sắp xếp lại dân cư, di dời nhà ở ven sông, kênh, rạch giảm thiểu nguy cơ sạt lở; bảo đảm nhà ở an toàn trong điều kiện ngập lụt, khô hạn, bão, lũ, giông, lốc, nước biển dâng.

- Chú trọng phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố phát triển đô thị xanh; trong đó quan tâm phối hợp cùng UBND thành phố Trà Vinh xây dựng đô thị tăng trưởng xanh theo quy định tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030.

7. Sở Giao thông vận tải

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh, ưu tiên các công trình có tích hợp thực hiện giải pháp nâng cao khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trong đó tận dụng lợi thế địa hình sông nước để phát huy lợi thế của vận tải thủy đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai thực hiện, đặc biệt chú trọng các công trình trọng điểm, các công trình mang tính bức xúc; hoàn thành sớm các dự án để đưa vào sử dụng.

- Chủ động, phối hợp sớm hoàn thành các dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, cảng Trà Cú; khởi công xây dựng và hoàn thành cầu Đại Ngãi; nâng cấp Quốc lộ 53 đoạn từ Long Hồ (tỉnh Vĩnh Long) đến Ba Sĩ, đoạn Trà Vinh đến Long Toàn, tuyến tránh qua thành phố Trà Vinh; nâng cấp Quốc lộ 60 đoạn từ Bình Phú đến Cổ Chiên và đoạn từ Trà Vinh đến Tiểu Cần; Cải tạo

Quốc lộ 54 đoạn Tập Sơn đến Trà Vinh; Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp Định An, các bến cảng thủy nội địa, Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 915B (giai đoạn 2), Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 1), đường Vành đai giai đoạn 2; thay thế, mở rộng, nâng cấp một số cầu yếu trên các Đường tỉnh, đường huyện có tải trọng thấp; Đầu tư xây dựng các tuyến đường phục vụ di dân khi có lụt bão.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao như: công nghệ sinh học, công nghệ chế tạo thiết bị, tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ thân thiện với môi trường trong các ngành, lĩnh vực; tăng cường kiểm soát hoạt động chuyển giao công nghệ, phần đầu có trên 80% trở lên các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, quản lý Nhà nước và cải cách hành chính. Phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chọn lọc, thích nghi, nhân giống (cây ăn quả, rau, hoa - cây cảnh, giống thủy sản, gia súc, gia cầm...) có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, phù hợp theo từng vùng sinh thái của tỉnh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Thực hiện chính sách đổi mới công nghệ nhằm từng bước tạo sản phẩm chủ lực, đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu; tăng cường công tác thẩm định, giám định công nghệ, không để công nghệ lạc hậu triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh gây ô nhiễm môi trường. Các dự án đầu tư đều phải được thẩm định, xem xét của các tổ chức khoa học về các giải pháp công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường và sở hữu công nghiệp.

9. Sở Tư pháp: Tổ chức rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu đang còn hiệu lực thi hành, nếu không còn phù hợp, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của tỉnh. Đồng thời, thường xuyên rà soát các văn bản có liên quan đến phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, kịp thời phối hợp các Sở, ngành có liên quan thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phát triển du lịch bền vững trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác của tỉnh cùng phát triển, tập trung phát triển các khu, điểm du lịch như: Khu du lịch quốc gia Ao Bà Om (thành phố Trà Vinh), khu du lịch biển Ba Động, điểm du lịch tâm linh Thiền viện Trúc Lâm (thị xã Duyên Hải), khu du lịch sinh thái Hàng Dương (huyện Cầu Ngang); du lịch cộng đồng gắn với khai

thác vườn cây ăn trái ở Cồn Hô, xã Đức Mỹ, xã Đại Phúc, xã Đại Phước (huyện Càng Long), cù lao Tân Quy, xã An Phú Tân (huyện Cầu Kè), xây dựng làng văn hóa dân tộc Khmer gắn với phát triển du lịch ở nhà dân tại ấp Ba Se A, xã Lương Hoà, huyện Châu Thành, Du lịch sinh thái gắn với đánh bắt nuôi trồng thủy sản tại cù lao Long Hòa, Hòa Minh huyện Châu Thành.

- Bảo tồn, tôn tạo và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc, tôn tạo các di tích, các công trình văn hóa; giữ gìn và phát huy các di sản thiên nhiên và văn hóa; bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc Kinh – Hoa – Khmer trên địa bàn tỉnh.

- Gìn giữ và phát huy tối đa các giá trị của các lễ hội truyền thống để thu hút khách du lịch.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tập trung triển khai *Chương trình hành động số 39-CTr/TU ngày 10/02/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, khắc phục những yếu kém, bất cập, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến đồng bộ, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học trên cơ sở sát với thực tiễn, điều kiện của trường và năng lực của học sinh. Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; kết hợp hài hòa giữa dạy người, dạy chữ và dạy nghề, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

12. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhấn mạnh vai trò người dân là trung tâm của quá trình chuyển đổi sản xuất và sinh kế để người dân chủ động, tích cực tham gia, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế; đổi mới công tác đào tạo, đào tạo những người nông dân thành công nhân nông nghiệp có trình độ tay nghề cao và góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Phát triển quy mô đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động, xác định và công khai chuẩn kết quả đầu ra của từng bậc học, ngành học và chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tư vấn việc làm ngoài công lập; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia dạy nghề. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề, mở rộng quy mô và đào tạo nghề; tập trung giải quyết việc làm cho người lao động và đáp ứng yêu cầu lao động cho doanh nghiệp có chuyên môn kỹ thuật, phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xuất khẩu lao động. Huy động các nguồn lực thực hiện chương trình việc làm từ khâu hướng nghiệp, đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm đến hỗ trợ khởi nghiệp. *Phấn đấu đến năm 2050, giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 2%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 90%.*

13. Sở Thông tin và Truyền thông: Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền truyền nâng cao ý thức cho các cấp, các ngành, cộng đồng và nhân dân nhằm tận dụng các cơ hội để phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

14. Ban Dân tộc tỉnh: Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-2015, nhằm phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống cho đồng bào dân tộc Khmer. Đồng thời, triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

15. Sở Y tế: Rà soát mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh, công tác đào tạo nhân lực y tế, xây dựng hệ thống y tế đủ năng lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe người dân, tăng cường giám sát chất lượng nước uống, sinh hoạt cho người dân trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đảm bảo tính đồng bộ giữa việc đầu tư, lắp đặt với việc quản lý sử dụng nhằm khai thác có hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư.

16. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Trà Vinh: Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu để xây dựng nông nghiệp, nông thôn của tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung của Kế hoạch, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương tổ chức thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể của từng ngành, địa phương để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch này; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện trong lĩnh vực được giao.

- Tăng cường sự phối hợp thực hiện giữa các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý) và hàng năm (trước ngày 20 tháng 12 của năm) Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

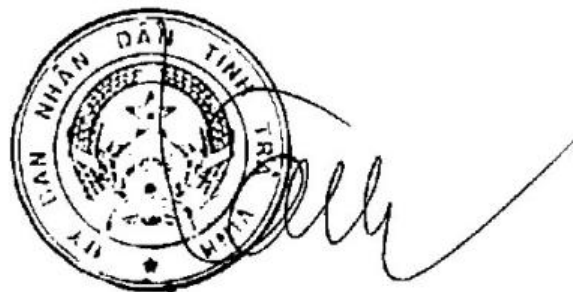
2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kế hoạch này sâu rộng trong các ngành, các cấp; tăng cường thông tin, tuyên truyền, quán triệt vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân hiểu, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các nhiệm vụ cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch, các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm các nhiệm vụ thực hiện)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đồng Văn Lâm



Các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Đính kèm Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC – KHOÁNG SẢN					
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo, băng rôn, bướm tin, ...	Năm 2018 và các năm tiếp theo
2	Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Báo cáo quy hoạch, Bản đồ	Năm 2019
3	Triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Phương án cắm mốc	Đang chờ hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	Quy hoạch điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cát lòng sông tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Báo cáo quy hoạch, Bản đồ	Năm 2019

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
II LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN – BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2019
2	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch, Báo cáo	Năm 2020
III LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI					
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Nghị quyết của Chính phủ; Báo cáo thuyết minh, bản đồ	Năm 2018
2	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2021 – 2025) tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Nghị quyết của Chính phủ; Báo cáo thuyết minh, bản đồ	Năm 2021
3	Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; Báo cáo tổng hợp kết quả; Bản đồ	Năm 2019

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
4	Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; Báo cáo tổng hợp kết quả; Bản đồ	Năm 2019
5	Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; Báo cáo tổng hợp kết quả; Bản đồ	Năm 2019
IV	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
1	Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các khu đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện	Thực hiện hàng năm
2	Thực hiện quan trắc môi trường hàng năm theo đúng Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường hàng năm theo đúng Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường	Thực hiện hàng năm

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
3	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh gồm: Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Trà Vinh; Đánh giá khí hậu tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; Kế hoạch; Báo cáo tổng hợp kết quả	Thực hiện hàng năm
4	Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/8/2013 của Tỉnh ủy Trà Vinh thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Báo cáo tổng hợp kết quả	Thực hiện hàng năm
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN				
1	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2018
2	Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019
3	Đề án phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các	Đề án	Năm 2019

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
			huyện/thị xã/thành phố		
4	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019
5	Đề án xây dựng và phát triển nền nông nghiệp Trà Vinh chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019
6	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2018
7	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2018
8	Đề án hỗ trợ đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2020
9	Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2018
10	Đề án cải tạo rừng nghèo kiệt kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
11	Đề án chuyển hóa rừng giống tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019
12	Các dự án triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Dự án	Năm 2018-2020
13	Phương án trồng rừng thay thế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đề án	Năm 2019
14	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long, gồm 04 tỉnh: Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2019
15	Kế hoạch xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý một số sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2019
16	Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2018 - 2020
17	Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cơ cấu kinh tế nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Báo cáo	Năm 2018

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
18	Kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn liền với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới để phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, hiện đại, hiệu quả cao, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2019
19	Kế hoạch thực hiện “Đề án phát triển ngành thủy sản bền vững Đồng bằng sông Cửu Long” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2020
20	Kế hoạch thực hiện “Đề án quản lý và phát triển rừng ngập mặn phục vụ phòng hộ ven sông, ven biển cùng với phát triển sinh kế sinh thái gắn với rừng vùng ĐBSCL” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2020
21	Kế hoạch thực hiện “Đề án hiện đại hóa thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái theo hướng đa dạng hóa nguồn lực và phương thức thực hiện vùng ĐBSCL” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2020
22	Kế hoạch thực hiện “Đề án bố trí lại dân cư ven sông, kênh rạch, đảm bảo cấp nước sạch và gắn với xây dựng nông thôn mới vùng ĐBSCL” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2020

STT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
23	Kế hoạch thực hiện “Quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vùng ĐBSCL” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Kế hoạch	Năm 2020
V	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÊ, KÈ				
1	Xây dựng các cầu trên tuyến đê biển Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Các cầu trên tuyến đê biển	2030
2	Nâng cấp hệ thống đê biển	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành tỉnh liên quan; UBND các huyện/thị xã/thành phố	Đê sông	2030
3	Đê bao chống lũ ven sông Hậu huyện Cầu Kè	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cầu Kè	Đê sông	2025
4	Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực cồn Hô, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long và kè chống sạt lở bờ sông Ninh Thới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cầu Kè	Đê, kè	2030
5	Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Nhân, xã Dân Thành, TX Duyên Hải và xã Đông Hải, huyện Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Duyên Hải và TX Duyên Hải	Đê, kè	2030
6	Hệ thống thủy lợi Mỹ Văn – Rùm Sóc – Cái Hóp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh Trà Vinh	Hệ thống thủy lợi	2030
7	Dự án Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Giai đoạn 4)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Duyên Hải và TX Duyên Hải	Đê, kè	2025
8	Dự án trồng rừng phòng hộ bảo vệ đê biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Duyên Hải và TX Duyên Hải	Rừng phòng hộ	2030